

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Công Phương

Ông Phan Minh Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2022/TLPT-HSCTN ngày 05/10/2022 đối với các bị cáo Hồ Đức H và Trần Văn N, do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

**1. HỒ ĐỨC H**, sinh ngày 14/01/2003 huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: thôn Txã B, huyện Tn, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn T, sinh năm 1956 và bà Trần Thị H, sinh năm 1960; vợ, con: chưa; tiền án: không; tiền sự: Ngày 27/07/2020 bị Công an xã T xử phạt hành chính số tiền 375.000đ về hành vi đánh nhau. Đã chấp hành nộp phạt 31/7/2020; nhân thân: Ngày 26/03/2021 bị Công an xã T xử phạt hành chính số tiền 1.250.000đ về hành vi xâm phạm sức khỏe. Đã chấp hành xong ngày 31/03/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**2. TRẦN VĂN N**, sinh năm 2001 tại huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: thôn K, xã B, huyện T, tỉnh B; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 10/12; con ông Trần Văn L, sinh năm 1971 và bà Từ Thị T, sinh năm 1977; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:**

Bị hại có kháng cáo: Cháu Nguyễn Nguyệt Q, sinh ngày 09/8/2005.

Người đại diện hợp pháp của cháu Q: Ông Nguyễn Đình Quyền, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1987; cùng trú tại: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Do quen biết và yêu nhau, trong khoảng thời gian từ tháng 08/2020 đến tháng 11/2020, Trần Văn N và Nguyễn Nguyệt Q đã cùng nhau 03 lần quan hệ tình dục tại khu đất trồng keo, tục danh N, thuộc thôn V, xã B, huyện T, tỉnh B, cụ thể:

Lần 1: Một buổi trưa tháng 10/2020, sau khi đi chơi, N chở Q về nhà đến đoạn giáp ranh giữa xã B và xã T, cả hai rủ nhau vào khu vực đám bạch đàn ngồi chơi nói chuyện. N nảy sinh ý định giao cấu với Q nên ôm hôn, cởi quần Q ra khỏi chân và tự cởi quần của N và thực hiện hành vi giao cấu với Q xuất tinh ngoài. Cả hai tự mặc đồ và N chở Q về nhà.

Lần 2: Cách lần thứ nhất khoảng hai tuần, vào một buổi trưa sau khi Q tan học, N chở Q đi ăn. Sau đó, N chở Q đến khu vực trên ngồi chơi nói chuyện và nảy sinh ý định giao cấu với Q. N cởi quần Q khỏi chân và tự cởi quần N, Q ngồi lên đùi N để giao cấu thì N xuất tinh. Sau đó cả hai tự mặc đồ và N chở Q về nhà.

Lần 3: Một buổi chiều tháng 11/2020, sau khi đi uống nước tại thị trấn P, Nt chở Q đi về. Đến khu vực trên, cả hai ngồi nói chuyện, N cởi áo Q và cởi quần của mình, Q tự cởi quần ra khỏi chân. N đã thực hiện hành vi giao cấu với Q xuất tinh ngoài. Sau đó, cả hai tự mặc đồ và N chở Q về nhà. Sau đó, N phát hiện Q nhắn tin nói chuyện với người khác nên N và Q chia tay nhau.

2. Đến khoảng 12/2020, Q và Hồ Đức H quen biết và nảy sinh tình cảm yêu đương nhau. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến khoảng 06/2021, H và Q đã cùng nhau quan hệ tình dục 07 lần, cụ thể:

Lần 1: Buổi sáng một ngày đầu tháng 01/2021, cả hai hẹn nhau uống trà sữa tại quán trà sữa Green ở thôn M, xã T, huyện T, tỉnh B. Gọi nước uống xong, cả hai rủ nhau vào phòng trên lầu của quán và chốt cửa trong. Cả hai ngồi nói chuyện, ôm hôn nhau. H cởi nút áo, cởi quần Q xuống đến gối rồi tự cởi quần của mình và thực hiện hành vi giao cấu xuất tinh vào âm đạo. Sau đó, cả hai tự mặc đồ rồi đi về.

Lần 2: Cách lần thứ nhất khoảng 7-10 ngày, sau khi Q tan học, H chở Q đến quán trên uống nước. Cả hai rủ nhau lên lầu vào phòng cũ chốt cửa trong. Cả hai ôm hôn nhau, tự cởi đồ và giao cấu xuất tinh vào âm đạo. Sau đó, cả hai tự mặc đồ rồi ra về.

Lần 3: Khoảng cuối tháng 01/2021, cách lần thứ hai khoảng nửa tháng, cả hai hẹn nhau đến quán trên uống nước và rủ nhau lên lầu vào phòng cũ và giao cấu xuất tinh vào âm đạo. Sau đó cả hai tự mặc đồ rồi đi về. Cả ba lần này sau khi quan hệ tình dục xong, H mua thuốc tránh thai cho Q uống.

Lần 4: Khoảng 8h, ngày 21/02/2021 cả hai gặp nhau tại ngã tư B và rủ nhau đi uống nước. H chở Q đến quán trên nhưng quán đóng cửa nên H rủ và chở Q về nhà H. Cả hai vào buồng của H, H khóa cửa lại. H và Q ngồi trên giường ôm

hôn nhau, H cởi quần Q ra khỏi chân, Q cởi quần H, giao cấu xuất tinh vào âm đạo. Sau đó, cả hai tự mặc đồ và H chở Q về nhà.

Lần 5: Khoảng đầu tháng 05/2021, cả hai rủ nhau đi chơi và quan hệ tình dục. H chở Q đến ngã ba A, thị xã A vào nhà nghỉ 444 thuộc xã N, thị xã A, tỉnh B. Tại phòng số 06, H cởi quần Q và tự cởi quần của mình, giao cấu và xuất tinh vào âm đạo. Sau đó, H chở Q về nhà.

Lần 6: Cách lần thứ năm khoảng 02 tuần, cả hai rủ nhau đi chơi và quan hệ tình dục. H chở Q đến nhà nghỉ trên thuê phòng số 08. H cởi quần Q và tự cởi quần của mình, giao cấu và xuất tinh vào âm đạo. Sau đó, H chở Q về nhà.

Lần 7: Một ngày trong tháng 06/2021, cả hai rủ nhau đi chơi và quan hệ tình dục. H chở Q đến nhà nghỉ trên thuê phòng số 06, H cởi quần Q và tự cởi quần của mình, giao cấu và xuất tinh ngoài. Sau đó, H chở Q về nhà.

Từ lần giao cấu thứ tư trở đi, cả hai đều không sử dụng biện pháp tránh thai. Đến ngày 23/06/2021 Q phát hiện mình có thai nên nói cho H biết nên gia đình H đến xin hỏi cưới Q. Ngày 23/6/2021 gia đình đưa Q đi khám thai, thai được 18 tuần 05 ngày tuổi nên đã báo cáo công an yêu cầu điều tra xử lý. Đến ngày 13/11/2021, Q sinh con và đặt tên Nguyễn Anh T.

Ngày 25/06/2021, Trung tâm giám định pháp y tỉnh B kết luận số: 171/2021/PY- TgT: Màng trinh giãn rộng, nhiều vết rách cũ vị trí 3, 7, 9, 11 giờ. Một thai sống trong lòng tử cung khoảng 20 tuần tuổi.

Ngày 05/01/2022, Phân viện khoa học hình sự tại Đ có kết luận số: 1611/C09C - Đ3: Nguyễn Anh T là con đẻ của Nguyễn Nguyệt Q và Hồ Đức H.

Về dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nữa; Yêu cầu bị cáo Hồ Đức H phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HS-ST ngày 26/7/2022, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

- Căn cứ điểm a, d Khoản 2 Điều 145; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hồ Đức H 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 145; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 21 (*Hai mươi một*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/8/2022, các bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và bị hại Nguyễn Nguyệt Q có đơn kháng cáo xin cho hai bị

cáo được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Đức H kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N được hưởng án treo và kháng cáo của bị hại Nguyễn Nguyệt Q cho bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N được hưởng án treo; Áp dụng khoản 1 Điều 54, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Đức H xử phạt bị cáo từ 27 tháng đến 30 tháng tù; Sửa bản án sơ thẩm.

Các bị cáo thừa nhận hành vi do mình gây ra. Bị cáo Hồ Đức H mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Bị cáo Trần Văn N mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo. Bị hại Nguyễn Nguyệt Q mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho các bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau:

[1.1] Do có quan hệ tình cảm, trong khoảng thời gian từ tháng 08 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020, tại khu đất trồng keo, tực danh N thuộc thôn V, xã B, huyện T, tỉnh B, bị cáo Trần Văn N 03 lần giao cấu với em Nguyễn Nguyệt Q, là người dưới 16 tuổi. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn N về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.2] Sau khi chia tay với BC Nhất, em Nguyễn Nguyệt Q có quan hệ tình cảm với bị cáo Hồ Đức H. Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2020 trở đi, bị cáo Hồ Đức H 07 lần giao cấu với em Nguyễn Nguyệt Q, là người dưới 16 tuổi dẫn đến Q có thai và ngày 13/11/2021 sinh ra bé gái đặt tên là Nguyễn Anh T. Bản kết luận giám định số 1611/C09C-Đ3 ngày 05/01/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đ kết luận: “Nguyễn Anh T là con đẻ của Nguyễn Nguyệt Q và Hồ Đức H”. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hồ Đức H về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo hưởng án treo của các bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N và bị hại Nguyễn Nguyệt Q có đơn kháng cáo xin cho hai bị cáo được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Đức H kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại (bị cáo H bồi thường 20.000.000đ, bị

cáo N bồi thường 5.000.000đ); Tại phiên tòa, người bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hồ Đức H 36 tháng tù, bị cáo Trần Văn N 21 tháng tù là đúng quy định của Bộ luật hình sự, đã cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định tại Điều 03 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15.5.2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N và kháng cáo của bị hại về hưởng án treo.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Đức H kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt của bị cáo Hồ Đức H.

[2.3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Các bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn Nt, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSPT.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt của bị cáo Hồ Đức H; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N và bị hại về việc bị cáo H, N được hưởng án treo; Sửa bản án sơ thẩm là phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N, kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Đức H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Hồ Đức H, Trần Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1 - TANDTC;
- VKSND tỉnh B;
- CQHSNV CA tỉnh B;
- TA, VKS, CQCSĐT CA huyện T;
- Cơ quan THAHS huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Thu**

